|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH ĐẮK NÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /KH-UBND | *Đắk Nông, ngày tháng 5 năm 2023* |

DỰ THẢO

**KẾ HOẠCH**

**Triển khai, thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/07/2022**

**của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia**

**về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050**

Thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/07/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 (*Quyết định số 896/QĐ-TTg*); Để phù hợp với định hướng trong Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050, Kế hoạch này thay thế Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 15/6/2021 về việc ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Quán triệt các nội dung quan điểm, mục tiêu và tầm quan trọng của Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 với sự phát triển kinh tế - xã hội đối với tỉnh Đắk Nông.

2. Việc triển khai Quyết định số 896/QĐ-TTg phù hợp với thực tế tại địa phương; đòi hỏi sự năng động, sáng tạo, linh hoạt, sự chung tay vào cuộc tích cực của các Sở, ngành, các huyện và thành phố Gia Nghĩa.

3. Tổ chức thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg phải đồng bộ với các chương trình, kế hoạch của tỉnh đã ban hành; đồng thời thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát; định kỳ tiến hành tổng kết rút kinh nghiệm.

**II. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Chủ động thích ứng hiệu quả, giảm mức độ dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; giảm phát thải khí nhà kính theo mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, đóng góp tích cực và trách nhiệm với cộng đồng quốc tế trong bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất; tận dụng cơ hội từ ứng phó biến đổi khí hậu để chuyển dịch mô hình tăng trưởng, nâng cao sức chống chịu và cạnh tranh của nền kinh tế.

**2. Mục tiêu cụ thể**

a) Thích ứng với biến đổi khí hậu

Giảm mức độ dễ bị tổn thương và rủi ro trước tác động của biến đổi khí hậu thông qua nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu.

- Đến năm 2030:

Kiểm soát được tình trạng suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất, đảm bảo cân đối đủ nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế quan trọng.

Cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển đổi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu; phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững; bảo đảm an ninh lương thực và cân bằng dinh dưỡng quốc gia.

Bảo đảm độ che phủ rừng ít nhất 42%; diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên trên cạn đạt 9% diện tích lãnh thổ đất liền.

Các công trình hạ tầng trọng yếu thích ứng với biến đổi khí hậu được hoàn thành với các tiêu chuẩn an toàn trước thiên tai, đặc biệt là các công trình phòng chống thiên tai, công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất, chống ngập úng ở các đô thị lớn.

Bảo đảm ít nhất 95% dân số được cung cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh, trong đó ít nhất 80% dân số được sử dụng nước sạch đạt chuẩn; đáp ứng nhu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu.

Nâng cao: trình độ khoa học và công nghệ dự báo khí tượng thủy văn, cảnh báo sớm thiên tai; năng lực giám sát biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai; đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ khí hậu cơ bản.

Bảo đảm 80% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn; hoàn thành di dời ít nhất 70% các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn; đối với khu vực chưa thể di dời được lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro khi xảy ra thiên tai; 100% các khu vực ngầm tràn được giám sát và cảnh báo độ sâu nước ngập.

- Đến năm 2050:

Quản lý hiệu quả tài nguyên nước và đất, cải thiện chất lượng môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm vững chắc an ninh tài nguyên nước. Tiếp tục phát triển nền nông nghiệp thông minh hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và có giá trị gia tăng cao.

Giữ vững độ che phủ rừng ổn định ở mức 43% và đảm bảo lâm phận rừng tỉnh Đắk Nông; nâng cao chất lượng rừng và quản lý rừng bền vững; các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, các loài nguy cấp, nguồn gen quý, hiếm được phục hồi, bảo tồn hiệu quả; đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái được lượng giá đầy đủ, sử dụng bền vững và mang lại lợi ích thiết yếu cho mọi người dân, góp phần bảo đảm an ninh sinh thái.

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội được phát triển đồng bộ, hiện đại thích ứng hiệu quả với tác động của biến đổi khí hậu. Bảo đảm 100% dân số được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh, trong đó ít nhất 90% dân số được sử dụng nước sạch đạt chuẩn; mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Trình độ, năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai tương đương với các nước phát triển; dịch vụ khí hậu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Khả năng chống chịu của các công trình phòng chống thiên tai được nâng cao, đảm bảo an toàn trước thiên tai theo mức thiết kế có tính đến tác động của biến đổi khí hậu.

Mọi người dân được bảo đảm an toàn trước thiên tai và các rủi ro khí hậu; đảm bảo di dời 100% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn; 100% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở đảm bảo an toàn. Bảo hiểm rủi ro thiên tai cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài sản của doanh nghiệp và xã hội.

b) Giảm phát thải khí nhà kính

Nỗ lực đạt mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, tích cực đóng góp có trách nhiệm cùng cộng đồng quốc tế bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất; nâng cao chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế. *(đề nghị các Sở, ngành ghi rõ thực hiện theo phương án 1 hoặc 2)*

**Phương án 1**: đối với các ngành, lĩnh vực đã thực hiện kiểm kê khí nhà kính thì các ngành đăng ký tỉ lệ giảm phát thải khí nhà kính và sửa các tỉ lệ, lượng phát thải tại các giá trị in nghiêng trong hai đoạn bên dưới.

- Đến năm 2030: Lĩnh vực năng lượng giảm *32,6%*, lượng phát thải không vượt quá *457* triệu tấn CO2 tương đương (CO2tđ); lĩnh vực nông nghiệp giảm *43,0%,* lượng phát thải không vượt quá *64 triệu tấn CO2tđ*; lĩnh vực lâm nghiệp, sử dụng đất giảm *70%* lượng phát thải và tăng *20%* lượng hấp thụ các-bon, tổng lượng phát thải và hấp thụ đạt ít nhất *-95* triệu tấn CO2tđ; lĩnh vực chất thải giảm *60,7%,* lượng phát thải không vượt quá *18 triệu tấn CO2tđ*; lĩnh vực các quá trình công nghiệp giảm *38,3%*, lượng phát thải không vượt quá *86 triệu tấn CO2tđ*. Các cơ sở có mức phát thải khí nhà kính hằng năm từ 2.000 tấn CO2tđ trở lên phải thực hiện giảm phát thải khí nhà kính.

- Đến năm 2050, bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính tỉnh Đắk Nông đạt mức phát thải ròng bằng “0”; lượng phát thải đạt đỉnh vào năm 2035, sau đó giảm nhanh. Trong đó: Lĩnh vực năng lượng giảm *91,6%*, lượng phát thải không vượt quá *101 triệu tấn CO2tđ*; lĩnh vực nông nghiệp giảm *63,1%*, lượng phát thải không vượt quá *56 triệu tấn CO2tđ*; lĩnh vực lâm nghiệp, sử dụng đất giảm *90%* lượng phát thải, tăng *30%* lượng hấp thụ các-bon, tổng lượng phát thải và hấp thụ đạt ít nhất *-185 triệu tấn CO2tđ*; lĩnh vực chất thải giảm *90,7%*, lượng phát thải không vượt quá *8 triệu tấn CO2tđ*; lĩnh vực các quá trình công nghiệp giảm *84,8%*, lượng phát thải không vượt quá *20 triệu tấn CO2tđ*. Các cơ sở có mức phát thải khí nhà kính hằng năm từ 200 tấn CO2tđ trở lên phải thực hiện giảm phát thải khí nhà kính.

**Phương án 2**: đối với các lĩnh vực chưa thực hiện kiểm kê khí nhà kính thì thực hiện như sau:

- Từ năm 2023 đến năm 2024, các lĩnh vực: năng lượng, nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất giảm lượng phát thải và tăng lượng hấp thụ các-bon; lĩnh vực chất thải; công nghiệp…phải hoàn thành việc kiểm kê khí nhà kính và báo cáo tỉ lệ giảm phát thải và lượng khí đã giảm phát thải tính theo tấn CO2 tương đương (CO2tđ) gửi Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật tham mưu điều chỉnh Kế hoạch này. Các cơ sở có mức phát thải khí nhà kính hằng năm từ 3.000 tấn CO2tđ trở lên phải thực hiện giảm phát thải khí nhà kính.

- Đến năm 2050, trên cơ sở kết quả kiểm kê khí nhà kính từ năm 2023 trở đi để đưa ra mục tiêu cần đạt. Các cơ sở có mức phát thải khí nhà kính hằng năm từ 200 tấn CO2tđ trở lên phải thực hiện giảm phát thải khí nhà kính.

**III. ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

1. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, đảm bảo sinh kế bền vững.

- Ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái, phục hồi các nguồn tài nguyên.

Tập trung bảo vệ, phục hồi tài nguyên nước. Lập và triển khai quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Đắk Nông và các lưu vực sông; xác định các khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt, quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác nước ngầm; phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước; cải thiện, phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm, tăng cường các giải pháp quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước, chú trọng các vùng có nguy cơ hạn hán, thiếu nước. Bảo đảm an ninh tài nguyên nước; hợp tác, chia sẻ lợi ích bảo đảm công bằng và hợp lý trong khai thác, sử dụng, bảo vệ, phát triển nguồn nước trong tỉnh. Từ nay đến năm 2030 tập trung kiểm soát tốt tình trạng suy thoái, cạn kiệt tài nguyên nước; nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên nước theo hướng tổng hợp thống nhất nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của các ngành, cải thiện chất lượng môi trường, giảm thiểu tác động và phòng chống thiên tai do nước gây ra phục vụ đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội.

Khai thác hợp lý, hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông cho phát triển rừng, phát triển cây xanh ở đô thị và khu công nghiệp. Thúc đẩy phát triển đô thị, khu công nghiệp theo mô hình tuần hoàn, bảo đảm quỹ đất cho phát triển các khu xử lý, tái chế chất thải trong tỉnh.Tăng cường các giải pháp cải tạo, bảo vệ môi trường đất, nước và đa dạng sinh học, đặc biệt đối với đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất, ô nhiễm đất. Quản lý chặt chẽ các nguồn tài nguyên khoáng sản sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường, bảo đảm phòng, chống sạt lở, sụt lún, suy thoái nước ngầm.

- Nông nghiệp và an ninh lương thực

Xây dựng một nền nông nghiệp thông minh, hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và có giá trị gia tăng cao; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực và cân bằng dinh dưỡng quốc gia. Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp, thực hiện các giải pháp nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu; khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản bền vững; nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng của nông nghiệp với biến đổi khí hậu ở từng vùng, miền.

Từ nay đến năm 2030, tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững; bảo đảm an ninh lương thực và cân bằng dinh dưỡng quốc gia; quy hoạch vùng sản xuất, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao và các tiến bộ khoa học; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển nông nghiệp bền vững phải dựa vào lợi thế tự nhiên của từng vùng và nhu cầu của thị trường; đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản có giá trị gia tăng cao; chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản.

- Rừng và các hệ sinh thái

Quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên hiện có; tăng cường khả năng phòng hộ của rừng đầu nguồn, rừng ven sông; phát triển rừng trồng gỗ lớn và phục hồi cảnh quan rừng; quản lý bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học và nâng cao dịch vụ hệ sinh thái; tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ, quản lý và phát triển rừng nhằm cải thiện sinh kế, tăng thu nhập và cơ hội việc làm trong lâm nghiệp. Quản lý các hệ sinh thái và đa dạng sinh học; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu.

Từ nay đến năm 2030, tập trung bảo vệ và hạn chế tối đa chuyển đổi rừng, đặc biệt là rừng tự nhiên; đẩy mạnh phục hồi và nâng cao chất lượng và khả năng rừng phòng hộ đầu nguồn; củng cố và kiện toàn hệ thống giám sát, đánh giá và ứng phó khẩn cấp với cháy rừng; tăng tỷ lệ cây xanh tại các đô thị. Thiết lập và mở rộng hoạt động của các khu bảo tồn thiên nhiên; phát triển các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào tự nhiên, hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng; thực hiện kiểm kê, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học.

- Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu

Thực hiện đánh giá tác động, mức độ dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trong quy hoạch, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, đô thị, khu dân cư trên cơ sở phân vùng rủi ro thiên tai và kịch bản biến đổi khí hậu. Tập trung phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội, chú trọng các công trình đa mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu, công trình liên vùng; nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của các ngành. Xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng đô thị, các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp; phát triển các khu đô thị, du lịch sinh thái, di tích lịch sử văn hóa; chống ngập lụt cho đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu.

Từ nay đến năm 2030, ưu tiên xây dựng các công trình xanh và phát triển cây xanh đô thị, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, phòng chống ngập lụt do mưa lớn, lũ; nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; phát triển, hoàn thiện mạng lưới đường bộ cao tốc, hệ thống giao thông kết nối liên vùng trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành các công trình hạ tầng trọng yếu ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các công trình phòng chống thiên tai, công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất, chống ngập lụt ở các đô thị lớn. Xây dựng mới một số hồ chứa lớn đa mục tiêu tại các vùng hạn hán, vùng khan hiếm nước phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng, đảm bảo hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Y tế và sức khỏe

Tăng cường các giải pháp cung cấp nước sạch cho khu vực nông thôn, miền núi, đặc biệt là những vùng chịu tác động của bão, lũ, hạn hán. Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường; đầu tư phát triển công nghệ, trang thiết bị trong dự phòng và điều trị các bệnh gia tăng do biến đổi khí hậu. Xây dựng và nhân rộng các mô hình của ngành y tế và sức khỏe cộng đồng nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Từ nay đến năm 2030, tập trung tăng cường hệ thống cơ sở hạ tầng cấp nước và năng lực cung cấp nước sạch cho dân cư; phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, ưu tiên các đối tượng dễ bị tổn thương, các vùng dân tộc ít người; tăng cường hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe.

- Bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới

Phát triển các mô hình sinh kế bền vững, chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề và hỗ trợ công nghệ, tiếp cận các nguồn vốn cho người dân ở những vùng chịu nhiều rủi ro, dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu. Nâng cao nhận thức, kiến thức, năng lực quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu cho cán bộ, hội viên phụ nữ, thanh thiếu niên, người dân, đặc biệt ở vùng có nguy cơ cao về thiên tai.

Từ nay đến năm 2030, tăng cường vai trò, năng lực và sự tham gia của phụ nữ và thanh thiếu niên trong hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai; đẩy mạnh các phong trào, hoạt động nâng cao nhận thức, kiến thức cho thanh thiếu niên về biến đổi khí hậu và các giải pháp trong phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu

- Dự báo và cảnh báo sớm

Tăng cường đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn, động đất, hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng, nhất là đối với bão, mưa, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ sông.

Nâng cấp, hiện đại hóa công nghệ giám sát, phân tích, dự báo, cảnh báo thời tiết, thiên tai; ứng dụng các công nghệ dự báo tiên tiến, hiện đại; ưu tiên phát triển công nghệ dự báo mưa định lượng, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất, dự báo dựa trên tác động; nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ khí hậu và cung cấp thông tin phục vụ phòng chống thiên tai. Đầu tư mở rộng các trạm thông tin vệ tinh mặt đất, thiết bị thông tin lưu động qua vệ tinh bảo đảm truyền, phát thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời tới tất cả các địa phương, người dân trên địa bàn tỉnh; vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo đa thiên tai, kết hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin, truyền thông tỉnh Đắk Nông.

Từ nay đến năm 2030, tập trung phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ phục vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn và thiên tai. Năng lực giám sát biến đổi khí hậu; đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ khí hậu cơ bản. Xã hội hóa một số hoạt động quan trắc, theo dõi, giám sát khí hậu cực đoan, ưu tiên đối với hệ thống đo mưa tự động. Hoàn thành đánh giá, phân vùng rủi ro khí hậu, thiên tai và lập bản đồ cảnh báo thiên tai; xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu của tỉnh về biến đổi khí hậu.

- Công trình phòng chống thiên tai

Thực hiện các giải pháp phòng chống thiên tai kịp thời và hiệu quả, giảm thiểu những rủi ro trước tác động của biến đổi khí hậu, chú trọng các vùng có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng của bão, lũ, lũ ống, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, hạn hán; phòng, tránh, ngăn chặn, hạn chế tác động của sạt lở bờ sông. Xây dựng và nâng cấp các công trình phòng, chống thiên tai tại những vùng thường xuyên xảy ra bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất.

Củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống các công trình thủy lợi, thủy điện bảo đảm chủ động phòng, chống lũ, bão theo mức thiết kế và an toàn trước tác động gia tăng do biến đổi khí hậu; ưu tiên bảo đảm an toàn cho hệ thống hồ, đập. Xây dựng, củng cố công trình phòng, chống sạt lở bờ sông tại những khu vực sạt lở diễn biến phức tạp, uy hiếp nghiêm trọng công trình đê điều, khu tập trung dân cư và cơ sở hạ tầng quan trọng; kết hợp các giải pháp công trình và phi công trình, đảm bảo hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường và tối ưu hóa nguồn lực phát triển. Tăng cường năng lực phòng chống lũ quét, sạt lở đất, phòng chống bão, phòng chống lũ lớn và lũ cực đoan; phòng chống tác hại của hạn hán.

- Bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản người dân trước tác động của biến đổi khí hậu

Quy hoạch, đầu tư, bố trí di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, nhất là nơi có nguy cơ cao xảy ra bão, lũ, nước dâng do bão, xói lở bờ sông hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở, sụt lún đất, tai biến địa chất; những nơi chưa thể di dời được cần được theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro.

Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân, đặc biệt cho đối tượng dễ bị tổn thương tại các vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, thiên tai; xây dựng nhà an toàn phòng chống thiên tai gắn với xây dựng nông thôn mới; xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp với sơ tán nhằm bảo đảm an toàn cho người dân. Nâng cao năng lực cho các lực lượng tìm kiếm, cứu hộ - cứu nạn, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.

2. Về giảm phát thải khí nhà kính

a) Nhiệm vụ chung về giảm phát thải khí nhà kính

- Đến năm 2030:

Xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030. Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý, loại trừ các chất gây hiệu ứng khí nhà kính, các chất làm suy giảm tầng ô-dôn đến năm 2030. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực theo lộ trình đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở phát thải hằng năm từ 3.000 tấn CO2tđ trở lên từ năm 2022. Khuyến khích các cơ sở phát thải khác, đặc biệt là các cơ sở thuộc khu vực công, thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính.

Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính trong các hoạt động hằng ngày và trong đầu tư mới, mua sắm công, bao gồm các biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, các công trình xanh, làm mát bền vững, sử dụng xe điện chạy pin và các thiết bị ít tiêu hao năng lượng. Khuyến khích các dự án đầu tư mới và các dự án đã đầu tư chuyển đổi, áp dụng các công nghệ, quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ ít phát thải khí nhà kính và tham gia vào các cơ chế, phương thức hợp tác về giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định của pháp luật và với điều kiện, hoạt động của mình.

- Đến năm 2050:

Xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2050 giảm 10% mức phát thải khí mê-tan so với năm 2030. Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý, loại trừ các chất gây hiệu ứng khí nhà kính, các chất làm suy giảm tầng ô-dôn đến năm 2050. Tiếp tục xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực theo lộ trình đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

Thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở phát thải hàng năm từ 2.000 tấn CO2tđ trở lên từ năm 2030; 500 tấn CO2tđ trở lên từ năm 2040; 200 tấn CO2tđ trở lên từ năm 2050. Mọi cơ sở thuộc khu vực công phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính.

Thực hiện giảm phát thải khí nhà kính trong các hoạt động hằng ngày trở thành vấn đề đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội của các tổ chức, doanh nghiệp.

b) Giảm phát thải khí nhà kính theo lĩnh vực

- Lĩnh vực năng lượng

+ Về cung cấp năng lượng:

Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phát triển năng lượng sạch, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và các giải pháp công nghệ đột phá trong tương lai đồng thời bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

Tiếp tục phát triển các nhà máy thủy điện nhỏ có chọn lọc, đạt tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường; mở rộng một số thủy điện vừa và lớn để phát huy tối đa hiệu quả của thủy điện. Nâng công suất các nhà máy điện mặt trời tập trung, điện mặt trời mái nhà, điện gió trên bờ, điện sinh khối, phát triển các công nghệ nhiên liệu hydro, amoniac. Đến năm 2030, tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo bao gồm thủy điện, điện gió, điện mặt trời, sinh khối chiếm ít nhất 33% tổng sản lượng điện phát. Đến năm 2050, tỷ lệ nguồn năng lượng tái tạo chiếm ít nhất 55% trong tổng sản lượng điện phát.

Các nguồn năng lượng sạch hơn; giảm tỷ trọng các nguồn nhiên liệu hóa thạch, không phát triển các dự án nhiệt điện than mới sau năm 2030, giảm dần quy mô công suất điện than sau năm 2035; từng bước áp dụng công nghệ chuyển đổi sang nhiên liệu sạch, không phát thải đối với các nhà máy sử dụng nhiên liệu hóa thạch, tiến tới giảm tối đa lượng nhiên liệu hóa thạch cho phát điện vào năm 2050; xem xét phát triển điện hạt nhân với công nghệ hiện đại và bảo đảm an toàn vào thời điểm phù hợp.

Phát triển các công nghệ lưu trữ năng lượng gồm pin tích năng, thủy điện tích năng, trữ nhiệt… và lưới điện thông minh, bảo đảm độ ổn định và tích hợp năng lượng tái tạo trong hệ thống điện với tỷ lệ cao. Nâng cấp hệ thống truyền tải và phân phối năng lượng để tăng hiệu quả, giảm tổn thất và hỗ trợ tích hợp hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thu giữ, lưu trữ các bon (CCS) cho các nhà máy điện sử dụng nhiên liệu hóa thạch và các cơ sở sản xuất công nghiệp.

+ Về sử dụng năng lượng:

Tăng cường thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và thúc đẩy chuyển sang sử dụng năng lượng sạch trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, dịch vụ, thương mại và dân dụng. Tăng tỷ trọng thâm nhập của các thiết bị sử dụng năng lượng hiệu quả, hiệu suất cao trong các lĩnh vực công nghiệp, dân dụng, thương mại; nâng cao hiệu suất lò hơi, động cơ điện, cấp nhiệt, làm mát tập trung và các thiết bị điện; từng bước sử dụng hydro thay thế than trong công nghiệp luyện kim, trong các ngành dịch vụ, thương mại. Điện khí hóa nông nghiệp và sử dụng thiết bị hiệu quả năng lượng trong chuỗi sản xuất nông nghiệp sau thu hoạch.

Xây dựng công trình, nhà ở chống nắng nóng, sử dụng các giải pháp làm mát xanh, dựa vào tự nhiên để giảm hiệu ứng đảo nhiệt đô thị, sử dụng vật liệu ít phát thải khí nhà kính, vật liệu tái chế. Xây dựng và áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn sử dụng hiệu quả năng lượng tòa nhà. Đẩy mạnh giải pháp hiệu quả năng lượng và mô hình kinh doanh sáng tạo cho các thiết bị làm mát và điều hòa không khí, hệ thống chiếu sáng thông minh. Nâng cao hiệu suất năng lượng của thiết bị và hệ thống chuỗi lạnh, thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo cho hệ thống cung ứng và bảo quản lạnh.

Sử dụng hiệu quả năng lượng trong giao thông vận tải thông qua áp dụng các tiêu chuẩn tiêu hao nhiên liệu và định mức phát thải. Xây dựng và triển khai lộ trình chuyển đổi sang sử dụng nhiên liệu sạch cho các phương tiện giao thông; tăng dần tỷ lệ phương tiện giao thông điện, hydro. Phát triển ngành công nghiệp sử dụng năng lượng sạch, sản xuất và lưu hành phương tiện giao thông sử dụng điện, hydro; sản xuất pin thế hệ mới, chất bán dẫn tiết kiệm năng lượng; phát triển hệ thống hạ tầng giao thông xanh.

Tái cơ cấu thị trường vận tải, bao gồm chuyển đổi từ vận tải đường bộ sang đường thủy nội địa; chuyển đổi từ vận tải đường bộ sang đường sắt, tăng lưu lượng vận tải hàng hóa đường sắt; tăng hiệu suất vận tải thông qua xây dựng, mở rộng mạng lưới đường bộ và tuyến đường sắt. Chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang phương tiện công cộng.

- Lĩnh vực nông nghiệp

Áp dụng các biện pháp giảm phát thải trong lĩnh vực nông nghiệp thông qua các biện pháp quản lý, đổi mới công nghệ trong trồng trọt, chăn nuôi, thay đổi phương thức sử dụng đất, phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp phát thải thấp và chế biến, bảo quản sau thu hoạch.

Phát triển nông nghiệp hữu cơ bền vững, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, quản lý cây trồng tổng hợp, tăng diện tích canh tác được tưới tiết kiệm, tưới thông minh cho canh tác lúa nước và cây dài ngày; chuyển đổi mô hình canh tác nông nghiệp theo hướng phát thải thấp; cải thiện khẩu phần thức ăn trong chăn nuôi.

Tái sử dụng phế phụ phẩm trồng trọt và xử lý chất thải chăn nuôi làm phân hữu cơ, tạo khí sinh học; áp dụng biện pháp bón phân compost và giảm phân hóa học; thay thế phân urê bằng các loại phân bón phát thải thấp.

Áp dụng các biện pháp tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp nhằm giảm phát thải khí mê-tan từ canh tác lúa và chăn nuôi. Giảm thất thoát lương thực sau thu hoạch và phát thải liên quan thông qua cải thiện hậu cần nông nghiệp và phát triển chuỗi lạnh bền vững.

- Lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất

Bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có ở vùng đồi núi nhằm kiểm soát nghiêm ngặt chuyển đổi rừng, mất rừng và suy thoái rừng để giảm phát thải khí nhà kính. Trồng mới rừng phòng hộ, rừng đặc dụng bằng các loài cây bản địa để tăng cường hấp thụ các-bon. Nâng cao chất lượng, trữ lượng các-bon rừng tự nhiên nghèo thông qua trồng bổ sung, làm giàu rừng nhằm tăng hấp thụ các-bon.

Nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng để tăng hấp thụ các-bon và giảm phát thải thông qua áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, chuyển đổi rừng trồng chu kỳ ngắn sang rừng trồng chu kỳ dài; giảm khai thác gỗ rừng trồng cho sản xuất gỗ dăm.

Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng để giảm phát thải từ kiểm soát mất rừng và suy thoái rừng, cháy rừng và đốt sinh khối; tăng hấp thụ khí nhà kính thông qua tăng chất lượng rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và nâng cao dịch vụ hệ sinh thái. Phát triển, nhân rộng các mô hình nông - lâm kết hợp thông qua trồng bổ sung cây lâm nghiệp, cây gỗ để tăng hấp thụ các-bon và chống suy thoái đất, ưu tiên các vùng đất dốc.

- Lĩnh vực chất thải

Triển khai thực hiện các biện pháp quản lý, giảm thiểu phát sinh chất thải từ sản xuất đến tiêu dùng, mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất; tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải.

Phát triển các mô hình quản lý tổng hợp chất thải rắn. Áp dụng các biện pháp tiên tiến trong xử lý chất thải rắn gồm: chôn lấp có thu gom khí (LFG), chôn lấp bán hiếu khí; sản xuất phân compost từ chất thải hữu cơ; đốt chất thải rắn để phát điện; sản xuất viên nén nhiên liệu từ chất thải rắn.

Áp dụng các biện pháp tiên tiến trong xử lý chất thải, nước thải nhằm giảm phát thải khí mê-tan.

- Lĩnh vực các quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm công nghiệp

Cải tiến, phát triển và ứng dụng công nghệ trong sản xuất vật liệu xây dựng; phát triển và sử dụng vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng, vật liệu xanh trong lĩnh vực nhà ở và thương mại. Thay than đá bằng khí tự nhiên trong sản xuất gạch ốp lát; sử dụng vật liệu thay thế trong sản xuất kính. Thực hiện các giải pháp nghiền xỉ lò thổi, nghiền tro bay, nghiền Puzzolana và nghiền đá vôi thay thế, giảm tỷ lệ clinker trong sản xuất xi măng.

Áp dụng công nghệ phân hủy nhiệt độ cao và các công nghệ mới để giảm phát thải N2O trong lĩnh vực hóa chất. Áp dụng công nghệ thu giữ các-bon trong các lĩnh vực sản xuất xi măng, hóa chất - phân bón và luyện thép. Áp dụng công nghệ điện phân ô-xít nóng chảy trong lĩnh vực luyện thép; sử dụng hydro thay thế coke trong luyện thép “xanh” từ năm 2035.

Đáp ứng hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về tòa nhà xanh, khu đô thị xanh, bảo đảm đến năm 2050 các quy chuẩn, tiêu chuẩn về tòa nhà xanh, khu đô thị xanh được áp dụng bắt buộc đối với tất cả các công trình xây dựng mới.

Giảm dần sử dụng các môi chất lạnh Hydro-cloro-fluoro-carbon (HCFC) và Hydro-fluoro-carbon (HFC) trong chuỗi lạnh, hệ thống lạnh và điều hòa không khí tòa nhà; nâng cao hiệu quả làm lạnh, giảm nhu cầu làm mát và tiêu hao môi chất lạnh thông qua các giải pháp thiết kế tòa nhà và làm mát thụ động; thúc đẩy việc thu hồi, tái sử dụng, tiêu hủy, tái chế môi chất lạnh và tiến tới sử dụng môi chất lạnh có tiềm năng nóng lên toàn cầu (GWP) thấp.

3. Hoàn thiện thể chế, phát huy tiềm năng và nguồn lực ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu

- Thiết lập, vận hành hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp tỉnh đối với các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Tích hợp nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính vào quy hoạch phát triển đô thị nhằm giảm nhu cầu năng lượng, tài nguyên và tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của các địa phương.

- Khuyến khích đầu tư giảm phát thải trong các lĩnh vực; phát triển bền vững; sản xuất và tiêu dùng hàng hóa bền vững và không làm mất rừng, suy thoái rừng; nông nghiệp bền vững, thúc đẩy an ninh lương thực và tránh gây hại cho môi trường.

b) Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng

- Đa dạng hóa phương thức thông tin, khai thác các lợi thế của công nghệ số, nâng cao chất lượng truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về dự báo khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo thiên tai cho cơ quan chính quyền các cấp, tổ chức, hộ gia đình.

- Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông, tổ chức các lớp tập huấn cho chính quyền các cấp, tổ chức xã hội và cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức, phổ biến, cập nhật kiến thức, thông tin về thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính hướng tới phát thải ròng bằng “0”, thông tin về công nghệ của tương lai và các kỹ năng có liên quan; hướng dẫn, phổ biến kiến thức, tập huấn kỹ năng về phòng, chống thiên tai, nhất là kỹ năng ứng phó khi có tình huống thiên tai nghiêm trọng, phức tạp.

- Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống, tri thức địa phương, đặc biệt chú trọng vai trò của nghệ nhân trong ứng phó với biến đổi khí hậu; tuyên truyền, nhân rộng các hoạt động, mô hình ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ tái tạo, sử dụng năng lượng sạch, thích ứng với biến đổi khí hậu và ít phát thải khí nhà kính, mô hình cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu, mô hình cộng đồng giảm phát thải khí nhà kính.

- Bổ sung, nâng cao, cập nhật kiến thức về thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và giảm phát thải khí nhà kính vào chương trình giáo dục phổ thông; thúc đẩy lối sống thân thiện khí hậu góp phần hình thành lối sống văn minh, bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.

- Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng, trong phát triển rừng và lâm nghiệp bền vững, mô hình sinh kế dựa vào cộng đồng, dựa vào tự nhiên và các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu đồng thời tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính và bảo tồn đa dạng sinh học. Phổ biến thông tin, khuyến khích dán nhãn các-bon, sử dụng sản phẩm, dịch vụ dùng năng lượng sạch, phát thải ít các-bon, thân thiện môi trường thay cho sản phẩm, dịch vụ sử dụng năng lượng hóa thạch; dán nhãn sản phẩm không sử dụng chất có tiềm năng gây nóng lên toàn cầu.

c) Phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng và triển khai chương trình tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo lại về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới; chương trình giáo dục và đào tạo tích hợp nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu ở các cấp học.

- Tăng cường năng lực cho các doanh nghiệp trong tiếp cận, tham gia triển khai các chương trình, dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon và phát triển thị trường các-bon.

d) Huy động nguồn lực tài chính cho ứng phó với biến đổi khí hậu

- Lập kế hoạch đầu tư công, kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước bảo đảm phân bổ và sử dụng hiệu quả các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc sử dụng các nguồn hỗ trợ, viện trợ không hoàn lại, vay ưu đãi để thực hiện các công trình, dự án thích ứng với biến đổi khí hậu có đồng lợi ích với phát triển kinh tế - xã hội và giảm phát thải khí nhà kính.

- Xây dựng, áp dụng chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư, cơ chế và các công cụ kinh tế nhằm khơi thông nguồn lực xã hội, huy động hiệu quả nguồn lực tài chính của khối doanh nghiệp cho ứng phó biến đổi khí hậu; xác định các chương trình, dự án mang lại hiệu quả kinh tế cao và đóng góp thực hiện mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu để doanh nghiệp thực hiện thông qua các hình thức hợp tác giữa nhà nước và doanh nghiệp, giữa các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, ưu tiên các dự án áp dụng công nghệ, giải pháp chuyển đổi sử dụng từ năng lượng hóa thạch sang năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu suất năng lượng.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục, thu hút các dòng vốn đầu tư, các dòng tài chính xanh của các định chế tài chính, tổ chức tín dụng quốc tế vào Đắk Nông; thu hút các tập đoàn quốc tế, tập đoàn đa quốc gia vào Đắk Nông hợp tác thực hiện các dự án, đặc biệt là các dự án chuyển đổi sản xuất và tiêu thụ năng lượng.

**IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN**

Nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch bao gồm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn của tổ chức, cá nhân, tài trợ quốc tế và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Đối với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, thực hiện theo phân cấp nhà nước hiện hành. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Kế hoạch này để xây dựng các dự án đầu tư hoặc dự toán kinh phí cho các nhiệm vụ cụ thể và thực hiện theo quy định hiện hành.

- Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tham gia thực hiện kế hoạch theo quy định pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ giao cho các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố trong các chương trình mục tiêu quốc gia khác có liên quan.

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Các Sở, Ban, ngành, cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa căn cứ nhiệm vụ liên quan trong Kế hoạch tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương để tổ chức triển khai các nhiệm vụ trong phụ lục các nhiệm vụ thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là Kế hoạch triển khai chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến giai đoạn 2050 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Yêu cầu các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện gắn với việc triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ nêu trên; định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12) báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa gửi ý kiến về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết kịp thời./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - Ủy ban MTTQ VN tỉnh;  - Các Sở, Ban, ngành;  - UBND các huyện, TP Gia Nghĩa;  - Các Đoàn thể tỉnh;  - CVP, các PCVP UBND tỉnh;  - Cổng TTĐT;  - Lưu: VT, NNTNMT…. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Lê Trọng Yên** |

**Phụ lục**

**NHIỆM VỤ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 896/QĐ-TTg NGÀY 26/7/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

| **TT** | **Nhiệm vụ** | **Cơ quan chủ trì** | **Cơ quan phối hợp** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu** | | | | |
|  | Lập và triển khai quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Đắk Nông và các lưu vực sông; xác định các khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt, quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác nước ngầm. | Phòng Khoáng sản – Tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố, Sở Xây dựng | 2030 |
|  | Quan trắc tự động nước ngầm | Phòng Khoáng sản – Tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố, Sở Xây dựng | 2024-2030 |
|  | Đánh giá sức chịu tải các sông nội tỉnh, phân vùng xả thải. | Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố, Sở Xây dựng | 2023-2030 |
|  | Quy hoạch quỹ đất phát triển các khu xử lý, tái chế chất thải. | Trung tâm phát triển quỹ đất, phòng Quy hoạch và Giao đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố, Sở Xây dựng | 2024-2030 |
|  | Quan trắc đa dạng sinh học, chất lượng đất | Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố | 2024 - 2030 |
|  | Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch: sử dụng hợp lý đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông cho phát triển rừng; tăng quỹ đất trồng cây xanh ở các đô thị | Phòng Quy hoạch và Giao đất - Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố | 2025 - 2030 |
|  | Phát triển diện tích rừng trên đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố | 2025 - 2030 |
|  | Giảm thiểu thoái hóa, ô nhiễm đất thông qua các hoạt động: xây dựng mạng lưới thu gom, trạm xử lý nước thải sinh hoạt; hoàn thiện hạ tầng phân loại, thu gom, xử lý nước rỉ rác tại các bãi chôn lấp chất thải rắn; xử lý chất thải rắn đang được chôn lấp tạm trên địa bàn tỉnh | Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố | Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng; Công ty cổ phần cấp nước và Phát triển đô thị | 2025 - 2030 |
|  | Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  | 2024- 2030 |
|  | Đề xuất nội dung để thực hiện các nội dung: Quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên hiện có; tăng cường khả năng phòng hộ của rừng đầu nguồn, rừng ven sông; phát triển rừng trồng gỗ lớn và phục hồi cảnh quan rừng; quản lý bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học và nâng cao dịch vụ hệ sinh thái; tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ, quản lý và phát triển rừng nhằm cải thiện sinh kế, tăng thu nhập và cơ hội việc làm trong lâm nghiệp. Quản lý các hệ sinh thái và đa dạng sinh học; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |  |
|  | Củng cố và kiện toàn hệ thống giám sát, đánh giá và ứng phó khẩn cấp với cháy rừng; | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |  |
|  | Thiết lập và mở rộng hoạt động của các khu bảo tồn thiên nhiên; phát triển các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào tự nhiên, hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng; | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |  |
|  | Thực hiện kiểm kê, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  | Từ 2023 trở đi |
|  | Tăng cường hệ thống cơ sở hạ tầng cấp nước và năng lực cung cấp nước sạch cho dân cư | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  | 2023-2030 |
|  | Xây dựng các công trình xanh và tăng tỷ lệ cây xanh tại các đô thị | Sở Xây dựng |  |  |
|  | Đề xuất các nhiệm vụ liên quan đến nội dung: Tập trung phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội, chú trọng các công trình đa mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu, công trình liên vùng; nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của các ngành. Xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng đô thị, các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp; phát triển các khu đô thị, du lịch sinh thái, di tích lịch sử văn hóa; chống ngập lụt cho đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu. | Sở Xây dựng |  |  |
|  | Căn cứ Khoản 1, Điều 5 Đối tượng thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và Khoản 4 Điều 13 Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, Nghị định 06/2022/NĐ-CP ngày 7/01/2022 của Chính phủ về quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, Sở Công thương đôn đốc các cơ sở có trong Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 về việc Ban hành danh mục, lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thực hiện quy định tại Khoản 4 Điều 13 Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, Nghị định 06/2022/NĐ-CP | Sở Công thương | Sở Tài nguyên và Môi trường | 2023 |
|  | Xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn 2050 | Theo lĩnh vực:  - Sở Xây dựng: lĩnh vực các quá trình công nghiệp, lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong sản xuất xi măng, lĩnh vực tòa nhà;  - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp, lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lĩnh vực lâm nghiệp;  - Sở Giao thông vận tải: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong lĩnh vực giao thông vận tải;  - Sở Công thương: lĩnh vực sản xuất năng lượng, tiêu thụ năng lượng trong công nghiệp;  - Sở Tài nguyên và Môi trường lĩnh vực xử lý chất thải | Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố, Sở Tài chính | 2023-2050 |
|  | Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 06/2022/NĐ-CP | Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, tổng hợp báo cáo chung toàn tỉnh gửi Bộ TNMT, hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở trong lĩnh vực xử lý chất thải. | Sở Xây dựng hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở trong lĩnh vực các quá trình công nghiệp, tiêu thụ năng lượng trong sản xuất xi măng, tòa nhà; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp; Sở Giao thông vận tải hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở tiêu thụ năng lượng trong lĩnh vực giao thông vận tải; Sở Công thương hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở trong lĩnh vực sản xuất năng lượng, tiêu thụ năng lượng trong công nghiệp; |  |
|  | Xây dựng, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, phòng chống ngập lụt do mưa lớn; Xây dựng các công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, đô thị; | Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Gia Nghĩa theo địa giới hành chính | Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường | 2023-2030 |
|  | Hoàn thành các công trình hạ tầng trọng yếu ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các công trình phòng chống thiên tai, công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất, chống ngập lụt ở các đô thị lớn; Xây dựng mới một số hồ chứa lớn đa mục tiêu tại các vùng hạn hán, vùng khan hiếm nước phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng, đảm bảo hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội | Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Gia Nghĩa theo địa giới hành chính |  | 2023-2030 |
|  | Nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro, thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; phát triển, hoàn thiện mạng lưới đường bộ cao tốc, hệ thống giao thông kết nối liên vùng trên địa bàn tỉnh | Sở Giao thông vận tải | Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố |  |
|  | Xây dựng kế hoạch thu thập, tổng hợp các số liệu liên quan phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu | Sở Y tế | Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố | 2023-2050 |
|  | Xây dựng và nhân rộng các mô hình của ngành y tế và sức khỏe cộng đồng nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu | Sở Y tế | Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố | 2023-2050 |
|  | Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, ưu tiên các đối tượng dễ bị tổn thương, các vùng dân tộc ít người; tăng cường hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe | Sở Y tế | Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố | 2023-2050 |
|  | Phát triển các mô hình sinh kế bền vững, chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề và hỗ trợ công nghệ, tiếp cận các nguồn vốn cho người dân ở những vùng chịu nhiều rủi ro, dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu. Nâng cao nhận thức, kiến thức, năng lực quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu cho cán bộ, hội viên phụ nữ, thanh thiếu niên, người dân, đặc biệt ở vùng có nguy cơ cao về thiên tai | Ban tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở LĐTBXH, Tỉnh đoàn Đắk Nông, Sở Giáo dục và Đào tạo, Liên hiệp Hội phụ nữ, hội nông dân tuyên truyền, phổ biến đến các thành viên trong ngành, lĩnh vực hoạt động. | Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính | Từ năm 2023 |
|  | Tăng cường vai trò, năng lực và sự tham gia của phụ nữ và thanh thiếu niên trong hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai; đẩy mạnh các phong trào, hoạt động nâng cao nhận thức, kiến thức cho thanh thiếu niên về biến đổi khí hậu và các giải pháp trong phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. | Sở Giáo dục và Đào tạo; Tỉnh đoàn Đắk Nông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Nông tuyên truyền, phổ biến trong ngành, lĩnh vực hoạt động. | Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính | Từ năm 2023 |
|  | Tăng cường đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn, động đất, hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng, nhất là đối với bão, mưa, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ sông.  Nâng cấp, hiện đại hóa công nghệ giám sát, phân tích, dự báo, cảnh báo thời tiết, thiên tai; ứng dụng các công nghệ dự báo tiên tiến, hiện đại; ưu tiên phát triển công nghệ dự báo mưa định lượng, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất, dự báo dựa trên tác động; nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ khí hậu và cung cấp thông tin phục vụ phòng chống thiên tai. Đầu tư mở rộng các trạm thông tin vệ tinh mặt đất, thiết bị thông tin lưu động qua vệ tinh bảo đảm truyền, phát thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời tới tất cả các địa phương, người dân trên địa bàn tỉnh; vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo đa thiên tai, kết hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin, truyền thông tỉnh Đắk Nông | Đài khí tượng, thủy văn | Sở Thông tin, truyền thông, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố | Từ năm 2023 trở đi |
|  | Tập trung phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ phục vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn và thiên tai. Năng lực giám sát biến đổi khí hậu; đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ khí hậu cơ bản. Xã hội hóa một số hoạt động quan trắc, theo dõi, giám sát khí hậu cực đoan, ưu tiên đối với hệ thống đo mưa tự động. Hoàn thành đánh giá, phân vùng rủi ro khí hậu, thiên tai và lập bản đồ cảnh báo thiên tai; xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu của tỉnh về biến đổi khí hậu. | Đài khí tượng, thủy văn | Sở Thông tin, truyền thông, Sở Tài chính | 2023 - 2050 |
|  | Thực hiện các giải pháp phòng chống thiên tai kịp thời và hiệu quả, giảm thiểu những rủi ro trước tác động của biến đổi khí hậu, chú trọng các vùng có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng của bão, lũ, lũ ống, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, hạn hán; phòng, tránh, ngăn chặn, hạn chế tác động của sạt lở bờ sông. Xây dựng và nâng cấp các công trình phòng, chống thiên tai tại những vùng thường xuyên xảy ra bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất. | Ban chỉ huy phòng chống thiên tai, bão lũ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố | 2023 - 2050 |
|  | Củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống các công trình thủy lợi, thủy điện bảo đảm chủ động phòng, chống lũ, bão theo mức thiết kế và an toàn trước tác động gia tăng do biến đổi khí hậu; ưu tiên bảo đảm an toàn cho hệ thống hồ, đập | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các nội dung liên quan đến công trình thủy lợi, Sở Công thương các nội dung liên quan đến công trình thủy điện | Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố | 2023 - 2025 |
|  | Xây dựng, củng cố công trình phòng, chống sạt lở bờ sông tại những khu vực sạt lở diễn biến phức tạp, uy hiếp nghiêm trọng công trình đê điều, khu tập trung dân cư và cơ sở hạ tầng quan trọng; kết hợp các giải pháp công trình và phi công trình, đảm bảo hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường và tối ưu hóa nguồn lực phát triển | Phòng Khoáng sản – Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố | 2024 - 2050 |
|  | Quy hoạch, đầu tư, bố trí di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, nhất là nơi có nguy cơ cao xảy ra bão, lũ, nước dâng do bão, xói lở bờ sông hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở, sụt lún đất, tai biến địa chất; những nơi chưa thể di dời được cần phải theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro | Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố | Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính | 2023 - 2050 |
|  | Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân, đặc biệt cho đối tượng dễ bị tổn thương tại các vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, thiên tai; xây dựng nhà an toàn phòng chống thiên tai gắn với xây dựng nông thôn mới; xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp với sơ tán nhằm bảo đảm an toàn cho người dân | Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố | Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính | 2023 - 2050 |
|  | **Về giảm phát thải khí nhà kính** | | | | |
|  | Nâng cao năng lực cho các lực lượng tìm kiếm, cứu hộ - cứu nạn, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội | Ban chỉ huy phòng chống thiên tai, bão lũ - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh | 2023 - 2050 |
|  | Xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp, lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lĩnh vực lâm nghiệp;  - Sở Tài nguyên và Môi trường lĩnh vực xử lý chất thải. | Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố | 2023-2030 |
|  | Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý, loại trừ các chất gây hiệu ứng khí nhà kính, các chất làm suy giảm tầng ô-dôn đến năm 2030. | Theo lĩnh vực:  - Sở Xây dựng: lĩnh vực các quá trình công nghiệp, lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong sản xuất xi măng, lĩnh vực tòa nhà;  - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp, lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lĩnh vực lâm nghiệp;  - Sở Giao thông vận tải: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong lĩnh vực giao thông vận tải;  - Sở Công thương: lĩnh vực sản xuất năng lượng, tiêu thụ năng lượng trong công nghiệp;  - Sở Tài nguyên và Môi trường lĩnh vực xử lý chất thải | Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố | 2023-2030 |
|  | Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực theo lộ trình đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. | Theo lĩnh vực:  - Sở Xây dựng: lĩnh vực các quá trình công nghiệp, lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong sản xuất xi măng, lĩnh vực tòa nhà;  - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp, lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lĩnh vực lâm nghiệp;  - Sở Giao thông vận tải: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong lĩnh vực giao thông vận tải;  - Sở Công thương: lĩnh vực sản xuất năng lượng, tiêu thụ năng lượng trong công nghiệp;  - Sở Tài nguyên và Môi trường lĩnh vực xử lý chất thải | Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố | 2023-2050 |
|  | Thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở phát thải hằng năm từ 3.000 tấn CO2tđ trở lên từ năm 2022. Khuyến khích các cơ sở phát thải khác, đặc biệt là các cơ sở thuộc khu vực công, thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính. | Theo lĩnh vực:  - Sở Xây dựng: lĩnh vực các quá trình công nghiệp, lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong sản xuất xi măng, lĩnh vực tòa nhà;  - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp, lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lĩnh vực lâm nghiệp;  - Sở Giao thông vận tải: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong lĩnh vực giao thông vận tải;  - Sở Công thương: lĩnh vực sản xuất năng lượng, tiêu thụ năng lượng trong công nghiệp;  - Sở Tài nguyên và Môi trường lĩnh vực xử lý chất thải | Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố | 2023-2030 |
|  | Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính trong các hoạt động hằng ngày và trong đầu tư mới, mua sắm công, bao gồm các biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, các công trình xanh, làm mát bền vững, sử dụng xe điện chạy pin và các thiết bị ít tiêu hao năng lượng. Khuyến khích các dự án đầu tư mới và các dự án đã đầu tư chuyển đổi, áp dụng các công nghệ, quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ ít phát thải khí nhà kính và tham gia vào các cơ chế, phương thức hợp tác về giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định của pháp luật và với điều kiện, hoạt động của mình. | - Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Khoa học và Công nghệ; Xây dựng; Giao thông vận tải; Nội vụ; Giáo dục và Đào tạo; Công thương; Y tế; Tài chính; Kế hoạch và đầu tư; Thông tin và truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Lao động Thương binh Xã hội;  - Ban quản lý các khu công nghiệp  - Tỉnh đoàn Đắk Nông  - Công an tỉnh  - Hội Nông dân  - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đắk Nông  - Liên hiệp Hội Phụ nữ tỉnh Đắk Nông  - Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố  - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy  - Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Nông  - Kho bạc nhà nước Đắk Nông  - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Nông  - Đài Khí tượng thủy văn |  | 2023 - 2050 |
|  | Xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2050 giảm 40% mức phát thải khí mê-tan so với năm 2030. | Theo lĩnh vực:  - Sở Xây dựng: lĩnh vực các quá trình công nghiệp, lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong sản xuất xi măng, lĩnh vực tòa nhà;  - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp, lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lĩnh vực lâm nghiệp;  - Sở Giao thông vận tải: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong lĩnh vực giao thông vận tải;  - Sở Công thương: lĩnh vực sản xuất năng lượng, tiêu thụ năng lượng trong công nghiệp;  - Sở Tài nguyên và Môi trường lĩnh vực xử lý chất thải | Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố | 2030-2050 |
|  | Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý, loại trừ các chất gây hiệu ứng khí nhà kính, các chất làm suy giảm tầng ô-dôn đến năm 2050. Tiếp tục xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực theo lộ trình đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 | Theo lĩnh vực:  - Sở Xây dựng: lĩnh vực các quá trình công nghiệp, lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong sản xuất xi măng, lĩnh vực tòa nhà;  - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp, lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lĩnh vực lâm nghiệp;  - Sở Giao thông vận tải: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong lĩnh vực giao thông vận tải;  - Sở Công thương: lĩnh vực sản xuất năng lượng, tiêu thụ năng lượng trong công nghiệp;  - Sở Tài nguyên và Môi trường lĩnh vực xử lý chất thải | Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố | 2030-2050 |
|  | Thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở phát thải hàng năm từ 2.000 tấn CO2tđ trở lên từ năm 2030; 500 tấn CO2tđ trở lên từ năm 2040; 200 tấn CO2tđ trở lên từ năm 2050. Mọi cơ sở thuộc khu vực công phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính. | Theo lĩnh vực:  - Sở Xây dựng: lĩnh vực các quá trình công nghiệp, lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong sản xuất xi măng, lĩnh vực tòa nhà;  - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp, lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lĩnh vực lâm nghiệp;  - Sở Giao thông vận tải: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong lĩnh vực giao thông vận tải;  - Sở Công thương: lĩnh vực sản xuất năng lượng, tiêu thụ năng lượng trong công nghiệp;  - Sở Tài nguyên và Môi trường lĩnh vực xử lý chất thải | Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố | 2030 - 2050 |
|  | Các giải pháp phát triển năng lượng sạch, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả | Sở Công thương | Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố; Sở Tài chính; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Giao thông vận tải. | 2023 - 2050 |
|  | Các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và thúc đẩy chuyển sang sử dụng năng lượng sạch trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, dịch vụ, thương mại và dân dụng | Sở Công thương | Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố; Sở Tài chính; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Giao thông vận tải. | 2023 - 2050 |
|  | Xây dựng công trình, nhà ở chống nắng nóng, sử dụng các giải pháp làm mát xanh, dựa vào tự nhiên để giảm hiệu ứng đảo nhiệt đô thị, sử dụng vật liệu ít phát thải khí nhà kính, vật liệu tái chế | Sở Xây dựng | Sở Công thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. | 2023 - 2050 |
|  | Đẩy mạnh giải pháp hiệu quả năng lượng và mô hình kinh doanh sáng tạo cho các thiết bị làm mát và điều hòa không khí, hệ thống chiếu sáng thông minh. Nâng cao hiệu suất năng lượng của thiết bị và hệ thống chuỗi lạnh, thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo cho hệ thống cung ứng và bảo quản lạnh. | Sở Công thương | Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố; Sở Tài chính; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Giao thông vận tải. | 2023 - 2050 |
|  | Sử dụng hiệu quả năng lượng trong giao thông vận tải thông qua áp dụng các tiêu chuẩn tiêu hao nhiên liệu và định mức phát thải. Xây dựng và triển khai lộ trình chuyển đổi sang sử dụng nhiên liệu sạch cho các phương tiện giao thông; tăng dần tỷ lệ phương tiện giao thông điện, hydro. Phát triển ngành công nghiệp sử dụng năng lượng sạch, sản xuất và lưu hành phương tiện giao thông sử dụng điện, hydro; sản xuất pin thế hệ mới, chất bán dẫn tiết kiệm năng lượng; phát triển hệ thống hạ tầng giao thông xanh. | Sở Giao thông vận tải | Sở Công thương; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 2023-2050 |
|  | Áp dụng các biện pháp giảm phát thải trong lĩnh vực nông nghiệp thông qua các biện pháp quản lý, đổi mới công nghệ trong trồng trọt, chăn nuôi, thay đổi phương thức sử dụng đất, phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp phát thải thấp và chế biến, bảo quản sau thu hoạch. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. | 2023 - 2050 |
|  | Phát triển nông nghiệp hữu cơ bền vững, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, quản lý cây trồng tổng hợp, tăng diện tích canh tác được tưới tiết kiệm, tưới thông minh cho canh tác lúa nước và cây dài ngày; chuyển đổi mô hình canh tác nông nghiệp theo hướng phát thải thấp; cải thiện khẩu phần thức ăn trong chăn nuôi. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. | 2023 - 2050 |
|  | Tái sử dụng phế phụ phẩm trồng trọt và xử lý chất thải chăn nuôi làm phân hữu cơ, tạo khí sinh học; áp dụng biện pháp bón phân compost và giảm phân hóa học; thay thế phân urê bằng các loại phân bón phát thải thấp. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. | 2023 - 2050 |
|  | Áp dụng các biện pháp tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp nhằm giảm phát thải khí mê-tan từ canh tác lúa và chăn nuôi. Giảm thất thoát lương thực sau thu hoạch và phát thải liên quan thông qua cải thiện hậu cần nông nghiệp và phát triển chuỗi lạnh bền vững | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. | 2023 - 2050 |
|  | Bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có ở vùng đồi núi nhằm kiểm soát nghiêm ngặt chuyển đổi rừng, mất rừng và suy thoái rừng để giảm phát thải khí nhà kính. Trồng mới rừng phòng hộ, rừng đặc dụng bằng các loài cây bản địa để tăng cường hấp thụ các-bon. Nâng cao chất lượng, trữ lượng các-bon rừng tự nhiên nghèo thông qua trồng bổ sung, làm giàu rừng nhằm tăng hấp thụ các-bon. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. | 2023 - 2050 |
|  | Nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng để tăng hấp thụ các-bon và giảm phát thải thông qua áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, chuyển đổi rừng trồng chu kỳ ngắn sang rừng trồng chu kỳ dài; giảm khai thác gỗ rừng trồng cho sản xuất gỗ dăm. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. | 2023 - 2050 |
|  | Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng để giảm phát thải từ kiểm soát mất rừng và suy thoái rừng, cháy rừng và đốt sinh khối; tăng hấp thụ khí nhà kính thông qua tăng chất lượng rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và nâng cao dịch vụ hệ sinh thái. Phát triển, nhân rộng các mô hình nông - lâm kết hợp thông qua trồng bổ sung cây lâm nghiệp, cây gỗ để tăng hấp thụ các-bon và chống suy thoái đất, ưu tiên các vùng đất dốc. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. | 2023 - 2050 |
|  | Triển khai thực hiện các biện pháp quản lý, giảm thiểu phát sinh chất thải từ sản xuất đến tiêu dùng, mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất; tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở phối hợp quản lý chất thải phát sinh theo lĩnh vực:  - Sở Xây dựng: lĩnh vực các quá trình công nghiệp, lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong sản xuất xi măng, lĩnh vực tòa nhà;  - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp, lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lĩnh vực lâm nghiệp;  - Sở Giao thông vận tải: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong lĩnh vực giao thông vận tải;  - Sở Công thương: lĩnh vực sản xuất năng lượng, tiêu thụ năng lượng trong công nghiệp; | 2023 - 2050 |
|  | Khuyến khích các chủ dự án áp dụng các biện pháp tiên tiến trong xử lý chất thải rắn gồm: chôn lấp có thu gom khí, chôn lấp bán hiếu khí; sản xuất phân compost từ chất thải hữu cơ; đốt chất thải rắn để phát điện; sản xuất viên nén nhiên liệu từ chất thải rắn; áp dụng các biện pháp tiên tiến trong xử lý chất thải, nước thải nhằm giảm phát thải khí mê-tan. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Sở Khoa học và Công nghệ. | 2024 - 2050 |
|  | Khuyến khích các nhà đầu tư cải tiến, phát triển và ứng dụng công nghệ trong sản xuất vật liệu xây dựng; phát triển và sử dụng vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng, vật liệu xanh trong lĩnh vực nhà ở và thương mại. Thay than đá bằng khí tự nhiên trong sản xuất gạch ốp lát; sử dụng vật liệu thay thế trong sản xuất kính. Thực hiện các giải pháp nghiền xỉ lò thổi, nghiền tro bay, nghiền Puzzolana và nghiền đá vôi thay thế, giảm tỷ lệ clinker trong sản xuất xi măng. | Sở Xây dựng | Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Sở Khoa học và Công nghệ. | 2024 - 2050 |
|  | Khuyến khích các nhà đầu tư áp dụng công nghệ thu giữ các-bon lĩnh vực sản xuất phân bón. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ | 2035 - 2050 |
|  | Giảm dần sử dụng các môi chất lạnh Hydro-cloro-fluoro-carbon (HCFC) và Hydro-fluoro-carbon (HFC) trong chuỗi lạnh, hệ thống lạnh và điều hòa không khí tòa nhà; nâng cao hiệu quả làm lạnh, giảm nhu cầu làm mát và tiêu hao môi chất lạnh thông qua các giải pháp thiết kế tòa nhà và làm mát thụ động; thúc đẩy việc thu hồi, tái sử dụng, tiêu hủy, tái chế môi chất lạnh và tiến tới sử dụng môi chất lạnh có tiềm năng nóng lên toàn cầu (GWP) thấp. | Theo lĩnh vực:  - Sở Xây dựng: lĩnh vực các quá trình công nghiệp, lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong sản xuất xi măng, lĩnh vực tòa nhà;  - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp, lĩnh vực sản xuất nông nghiệp;  - Sở Giao thông vận tải: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong lĩnh vực giao thông vận tải;  - Sở Công thương: lĩnh vực sản xuất năng lượng, tiêu thụ năng lượng trong công nghiệp;  - Sở Tài nguyên và Môi trường lĩnh vực xử lý chất thải. | Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 2024 - 2050 |
|  | **Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách** | | | | |
|  | Xây dựng kế hoạch triển khai Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất, lộ trình chuyển đổi phương tiện giao thông sử dụng năng lượng sạch; kế hoạch thực hiện Tuyên bố chung toàn cầu về chuyển dịch than sang năng lượng sạch | Theo lĩnh vực:  - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;  - Sở Tài nguyên và Môi trường;  - Sở Giao thông vận tải;  - Sở Công thương. | Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 2024 - 2050 |
|  | Thiết lập, vận hành hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp tỉnh đối với các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các cơ quan liên quan tại Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc ban hành quy định giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông | 2024 - 2050 |
|  | Tích hợp nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính vào quy hoạch phát triển đô thị nhằm giảm nhu cầu năng lượng, tài nguyên và tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của các địa phương. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 2024 - 2050 |
|  | - Khuyến khích đầu tư giảm phát thải trong các lĩnh vực; phát triển bền vững; sản xuất và tiêu dùng hàng hóa bền vững và không làm mất rừng, suy thoái rừng; nông nghiệp bền vững, thúc đẩy an ninh lương thực và tránh gây hại cho môi trường. | Theo lĩnh vực:  - Sở Xây dựng: lĩnh vực các quá trình công nghiệp, lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong sản xuất xi măng, lĩnh vực tòa nhà;  - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp, lĩnh vực sản xuất nông nghiệp;  - Sở Giao thông vận tải: lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trong lĩnh vực giao thông vận tải;  - Sở Công thương: lĩnh vực sản xuất năng lượng, tiêu thụ năng lượng trong công nghiệp;  - Sở Tài nguyên và Môi trường lĩnh vực xử lý chất thải. | Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 2024 - 2050 |
|  | Đa dạng hóa phương thức thông tin, khai thác các lợi thế của công nghệ số, nâng cao chất lượng truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về dự báo khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo thiên tai cho cơ quan chính quyền các cấp, tổ chức, hộ gia đình. | Đài khí tượng – thủy văn  tỉnh Đắk Nông | Sở Thông tin và truyền thông, Đài Phát thành và Truyền hình tỉnh Đắk Nông, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 2023 - 2050 |
|  | Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông, tổ chức các lớp tập huấn cho chính quyền các cấp, tổ chức xã hội và cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức, phổ biến, cập nhật kiến thức, thông tin về thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính hướng tới phát thải ròng bằng “0”; hướng dẫn, phổ biến kiến thức, tập huấn kỹ năng về phòng, chống thiên tai, nhất là kỹ năng ứng phó khi có tình huống thiên tai nghiêm trọng, phức tạp. | Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. |  |
|  | Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống, tri thức địa phương, đặc biệt chú trọng vai trò của nghệ nhân trong ứng phó với biến đổi khí hậu; tuyên truyền, nhân rộng các hoạt động, mô hình ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ tái tạo, sử dụng năng lượng sạch, thích ứng với biến đổi khí hậu và ít phát thải khí nhà kính, mô hình cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu, mô hình cộng đồng giảm phát thải khí nhà kính. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. | 2023 - 2050 |
|  | Bổ sung, nâng cao, cập nhật kiến thức về thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và giảm phát thải khí nhà kính vào chương trình giáo dục phổ thông; thúc đẩy lối sống thân thiện khí hậu góp phần hình thành lối sống văn minh, bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất. | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Sở Tài chính. | 2023 - 2050 |
|  | Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng, trong phát triển rừng và lâm nghiệp bền vững, mô hình sinh kế dựa vào cộng đồng, dựa vào tự nhiên và các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu đồng thời tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính và bảo tồn đa dạng sinh học. Phổ biến thông tin, khuyến khích dán nhãn các-bon, sử dụng sản phẩm, dịch vụ dùng năng lượng sạch, phát thải ít các-bon, thân thiện môi trường thay cho sản phẩm, dịch vụ sử dụng năng lượng hóa thạch; dán nhãn sản phẩm không sử dụng chất có tiềm năng gây nóng lên toàn cầu. | Tỉnh đoàn Đắk Nông | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, | 2023 - 2050 |
|  | Xây dựng và triển khai chương trình tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo lại về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới; chương trình giáo dục và đào tạo tích hợp nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu ở các cấp học. | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Sở Tài chính. | 2023 - 2050 |
|  | Tăng cường năng lực cho các doanh nghiệp trong tiếp cận, tham gia triển khai các chương trình, dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon và phát triển thị trường các-bon. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường | 2026 - 2050 |
|  | Lập kế hoạch đầu tư công, kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước bảo đảm phân bổ và sử dụng hiệu quả các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc sử dụng các nguồn hỗ trợ, viện trợ không hoàn lại, vay ưu đãi để thực hiện các công trình, dự án thích ứng với biến đổi khí hậu có đồng lợi ích với phát triển kinh tế - xã hội và giảm phát thải khí nhà kính. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn | 2023 - 2050 |
|  | Xây dựng, áp dụng chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư, cơ chế và các công cụ kinh tế nhằm khơi thông nguồn lực xã hội, huy động hiệu quả nguồn lực tài chính của khối doanh nghiệp cho ứng phó biến đổi khí hậu; xác định các chương trình, dự án mang lại hiệu quả kinh tế cao và đóng góp thực hiện mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu để doanh nghiệp thực hiện thông qua các hình thức hợp tác giữa nhà nước và doanh nghiệp, giữa các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, ưu tiên các dự án áp dụng công nghệ, giải pháp chuyển đổi sử dụng từ năng lượng hóa thạch sang năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu suất năng lượng. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn | 2023 - 2050 |
|  | Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục, thu hút các dòng vốn đầu tư, các dòng tài chính xanh của các định chế tài chính, tổ chức tín dụng quốc tế vào Đắk Nông; thu hút các tập đoàn quốc tế, tập đoàn đa quốc gia vào Đắk Nông hợp tác thực hiện các dự án, đặc biệt là các dự án chuyển đổi sản xuất và tiêu thụ năng lượng. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn | 2023 - 2050 |